

Chiếm Lại Con Đường, Cửa Sập, Chiếm Lại Kỳ Đài

TQLC/VNCH Trung Tá Nguyễn Văn Phán

Từ Cai Lậy về thủ đô, nhập ngay vào đánh giải tỏa trại Cổ Loa của Thiết giáp và Xóm Mới của Gia Định xong xuôi. Quái Đieu, Tiểu đoàn I Thủy Quân Lục Chiến, về nằm dọc đường Ngô Tùng Châu. Mười hai giờ khuya họp Tiểu đoàn, hai giờ sáng có mặt tại phi trường Tân Sơn Nhất, bốn giờ sáng lên máy bay bay đi, đi đâu không biết. Đồ khô và tái trang bị không lãnh kịp. Cứ lên phi trường rồi hay. Đó đây những loạt pháo kích, những loạt đại liên rời rạc, những đốm hỏa châu lừng lừng trên bầu trời. Tôi để lại đằng sau một Sài Gòn mang nặng bộ mặt chiến tranh. Những chiếc máy bay C-130 khổng lồ nuốt gọn 800 Quái Đieu và đưa chúng tôi lên cao trong đêm tối mịt mùng.

– Đi đâu bây.

– Nha Trang, tao nghe Nha Trang đang có đánh nặng.

Lượng Đại đội trưởng đại đội 1 (dân Nha Trang) trả lời, Tôn Đại đội trưởng đại đội 2 cãi:

– Đà Lạt.

Phán Phu Nhân nói:

– Đi đâu cũng được, đổi vùng là khoái rồi.

(Khi vào quân trường, Phán trình diện: Tui chánh quán làng Phú Nhơn, ở gần hồ Tịnh Tâm, quận Thành Nội Huế. Thế là sau đấy, giữa lửa đạn và thịt đồ xương rơi, qua tiếng thét trong máy truyền tin cái tên ngụy trang “Phu Nhân” ra đời nghe thật lạ tai!)

– Máy bay chi bay mãi ri bây.

Thời tiết xấu và rời bánh xe phi cơ cũng chạm đất, những cặp mắt đỏ đờn ra khung cửa sổ máy bay. Phú Bài! Con gió cắt da, bãi cát trắng trải dài, mưa nặng hạt. Thiếu áo lạnh, tất cả đều cuốn Poncho, đứng nhìn đoàn người gánh gồng xuôi ngược, hấp tấp và lo sợ, một số về Truồi, một số lên Dạ Lê và An Cựu. Phú Bài đó, Tịnh Tâm, Cầu Kho đó. Mạ, di, chị em mình đó mà không liên lạc được. Tình hình không biết sao, ruột như lửa đốt. Trách nhiệm nặng nề, tôi nằm trần trọc suy nghĩ thật nhiều để chờ sáng mai. Kỷ niệm thời đi học về trong trí tôi, đẹp quá, nhẹ nhàng quá, vụng dại quá.

10 Giờ sáng, đoàn xe GMC đưa chúng tôi về Huế. Qua Dạ Lê, đồng bào hỗn loạn, nét lo âu hiện rõ trên mặt. Tới An Cựu, dân chúng thưa thớt, nhà hai bên đường đóng kín cửa, dọc quốc lộ 1 từ Huế về Phú Bài. Binh sĩ Nhảy Dù từng toán nhỏ diu nhau âm thầm đếm bước. Những cái nhìn như nhẩn gửi như lo sợ giùm chúng tôi. Mạnh, Đại Úy Nhảy Dù cùng khóa cho tôi biết:

– Huế tang thương và điều tàn lắm Phán ơi, Thừa cùng khóa chết, Phạm Duy Đà Lạt bị thương...

Mạnh khắp người băng bó, được hai đê tử diu về phía phi trường Phú Bài, Mạnh tiếp:

– Phán, mày cẩn thận, không yểm trợ, không thực phẩm, không tiếp liệu, thời tiết quá xấu. Tụi nó chiếm hết thành phố. Đại Nội, Gia Hội. Tụi nó chốt rất kỹ chỉ còn một cái lổm nhỏ ở Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn I ở Mang Cá.

Sau này được nghe nói: Vì nghe tin Tướng Trưởng bị kẹt nặng, nên đại bàng Lê Quang Lương, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn Nhảy Dù đã đưa quân đi bộ từ cây số 17 về Huế để cứu Tướng Trưởng. Tôi xin Tướng Lương cho tôi được nghiêng mình chào một cách đầy kính phục cho cái tình nghĩa huynh đệ không bút nào tả nổi này. Để đáp trọn tình nghĩa, Lữ đoàn của Đại Tá Lương cũng hao hụt nặng nề.

Đoàn xe dừng lại bên hông đại học Văn Khoa, cách con đường là trường Trung học Kiểu Mẫu vừa mới xây, đối diện là đài phát thanh Huế. Và trước mặt là cầu Tràng Tiền, chiếc cầu tượng trưng cho xứ Huế, chiếc cầu đã hàng ngàn, hàng vạn lần qua lại, đầy ắp kỷ niệm.

Nhìn qua chợ Đông Ba và phố Trần Hưng Đạo mà lòng quặn thắt. Một mái chợ đã sập, những cột khói ngút trời cách khoảng. Những cột khói khác vươn lên... Cả thành phố đã chết. Huế tôi tang thương đến thế sao? Một nhịp cầu đã sập, tôi nghĩ vành khăn tang trắng đã cuốn lấy Huế.

Xuống tàu tại chân Cầu Tràng Tiền, xuôi dòng sông Hương xanh biếc qua Gia Hội, quẹo trái sông Hàng Bè, cầu Đông Ba đó, có tiệm La Ngu ngày xưa chúng tôi thường mua dụng cụ học trò. Tiếp tục xuống ngang tiệm gạo mụ Đội, có người con gái đẹp nãy nùng tên Xuân, mà con trai Huế lửa tuổi tôi đều hơn một lần đi qua đó để nhìn người con gái trời cho đẹp. Đến Bao Vinh, dân chúng nhớn nháo khi thấy một đơn vị lớn đang đổ bộ tại bến đò.

Tôi hướng dẫn đơn vị vào Mang Cá nhỏ để tới bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Địch chào đón bằng hàng loạt hỏa tiễn 107 và 122. Tất cả nằm sát vào bờ tường để tránh pháo và tìm chỗ phòng thủ. Tôi cho lệnh Sự, Trung Úy Đại đội phó kiểm soát con cái và chuẩn bị cơm chiều. Trung Úy Sự là sĩ quan trẻ, có tài và đầy nhiệt huyết, xuất thân khóa 19 Võ Bị Đà Lạt, thủ môn hội tuyển Nha Trang, đúng là đa năng đa hiệu. Tôi dự buổi họp Tiểu Đoàn khẩn cấp và quan trọng, tiểu đoàn trưởng ra lệnh:

– Phu Nhân rành địa thế dẫn đầu, 8 giờ sáng mai xuất phát. Kế tiếp là Tôn đại đội 1, Lượng đại đội 2. Tiếp đến là Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn cùng đại đội chỉ huy, sau cùng là Tổng đại đội 4.

Mục tiêu Phu Nhân phải chiếm là trường tiểu học Trần Cao Vân. Trước trường có thành Quân Cụ, vào khoảng 1 đại đội ta đóng tại đó, không biết còn hay mất. Phán hỏi:

– Còn phi trường thành nội thì sao? Tình hình trong Đại Nội, Thiếu Tá có nắm vững không?
– Không rõ, tụi nó chiếm hết, chốt rất kỹ. Tất cả các cửa thành nội tụi nó đều chiếm và chốt rất kỹ. Cửa Hữu, cửa Chánh Tây, cửa Sập, Cửa An Hòa, cửa Đông Ba, Kỳ đài Phú Văn Lâu...tụi nó đều chiếm hết.

Trong óc tôi, 1 bản đồ chi tiết hiện ra rất rõ cho một cuộc hành quân, mà tình hình tôi nắm không được vững. Tôi cố tìm một con đường ngắn, an toàn cho đơn vị để tới mục tiêu. Có rất nhiều đường đưa tới đường Trần Cao Vân, nơi từ 9 đến 19 tuổi tôi đã bao nhiêu lần đi lại. Con đường nào cũng đầy hoa và mộng. Nay tôi đang tìm một con đường không có máu để cho anh em chúng tôi đi.

8 giờ sáng, tất cả đã gọn gàng, sẵn sàng di chuyển. Ba trăm thước đường từ Mang Cá đến nhà tôi sao quá dài. Bồn chồn, nóng ruột vì nơi đó có mẹ tôi, dì tôi, chị tôi, và em trai út của tôi đang trông ngóng. Không biết có bị gì không? Thiếu úy Duật Trung đội trưởng trung đội dẫn đầu. Duật xuất thân khóa 21 Đà Lạt, hăng say, gan, thích xóc đĩa và gái đẹp, uống rượu rất ít, chỉ phá mồi. Phan và BCH kế tiếp, Thiếu úy Nghênh, trung đội trưởng trung đội 1 tiếp theo. Nghênh kinh nghiệm, gan lì, thích đánh phé nhưng đánh nhỏ, rượu rất ít và không thích gái. Sau cùng là Thượng sĩ Hải, trung đội trưởng trung đội súng nặng. Hải người Nùng, lì lợm già chiến trường, không rượu, không gái, không thuốc lá.

Hai bên đường dân chúng đứng chen chúc, vẻ mặt hớn hở thật tội nghiệp cho họ. Lần lần những khuôn mặt quen thuộc hiện ra, những cánh tay vẫy chào, nào mẹ Đội Dầu, mẹ Ba, ông Sung, ông Dung, anh Thiên chủ bàn Ping pong...Những tiếng nói đó đây: “*Anh Phán đó tề! anh Phán*”, tiếng gọi lớn và lan dài suốt con đường tôi đi.

Con hẻm sát bên hồ Tịnh Tâm là đường vô nhà tôi, mẹ tôi đó, dì, chị và em tôi đó. Xao xuyên quá! Tôi đi nhanh đến ôm Mẹ tôi, dì và chị tôi khóc như mưa, thằng em luống cuống chạy quanh, bị Mẹ tôi nạt: “*Mi chạy vô lấy khúc cá kho khô và đòn bánh tét gói lại đem ra đây bới cho anh m*”. Mẹ tôi dụi vào tay tôi chai dầu Nhị Thiên Đường “*Con xúc cho khỏi gió*”. Lĩnh đi ngang hỏi nhau “*Mạ Đại Úy sao đầu trọc lóc như vậy bây*”. “*Bà ấy đi tu để phước cho con, tụi mình cũng được hưởng ké đấy*”. Phan và âm thoại viên vẫn còn dừng lại: “*Nhà mình có rằng không mẹ? Bà con thân thuộc có ai bị chi không?*” Nhà ông Quế chủ quán Chiêu bị trúng 2 trái, nhưng người thì không rằng. Nhà mình bị ngói đổ một góc, cây đào bị gãy ngọn. Còn thằng Chi không biết đi mô. Chi là bạn tôi xuất thân khóa 17 Võ Bị Đà Lạt. Tôi xót xa đắng miệng:

– Thôi con đi. Mẹ và gia đình đừng lo cho con.

Mẹ tôi khóc òa, tôi thật náo lòng. Những tiếng gọi anh Phán, anh Phán, tiếp tục vang lên cho đến giữa hồ Tịnh Tâm. Tiếng gọi, giọt nước mắt và những cánh tay chào vẫy, phải chăng nhắc nhở trách nhiệm của tôi, bây giờ là lúc đền đáp ơn sâu nghĩa nặng. Vinh dự này thật khổ. Máu nóng sôi trong người, tôi và hai âm thoại viên vượt lên đi với Trung đội đầu. Cuối hồ Tịnh Tâm là đường Tịnh Tâm, tôi cho lệnh quẹo tay mặt theo đường lên nhà ông Ngự Đạt. Như vậy bên hông mặt của con cái tôi lúc nào cũng có bức thành và cái hồ che chở. Cuối đường Tịnh Tâm quẹo trái là trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm, nhưng tôi không đi con đường này. Tiếp tục thẳng qua một con hẻm nhỏ, con đường đã bao lần đi lại, nào ăn cắp me, nào ăn trộm sấu, nào hái xoài, nào đào sen, nào học thi, nào thăm người yêu...,con đường nào cũng nhắc tôi bao kỷ niệm yêu dấu không quên.

Đến Canh Nông, chưa thấy phản ứng nào của địch, gần sân bay Tây Lộc dân chúng thưa thớt và kinh hãi. Tôi cho dừng quân bên này đường, một ông già mách:

– Con đường ni bị bắn rất rát, từ trong cửa Hòa Bình Đại Nội bắn ra.

– Còn sân bay thành nội ra sao ôn, có ai không?

– Đánh nhau mấy ngày ni dữ lắm, mà tui cũng không biết rằng, không biết mình hơn hay thua nữa.

Tôi chỉ con đường và hướng dẫn Duật:

– Băng qua khỏi con đường này, đến một xóm nhà, qua 1 cái cổng thì bên trái là thành Quân Cự. Nghênh và Mã Khện yểm trợ hông mặt cho Duật, và sau đó băng qua đường theo tôi.

Con đường chỉ có 5 thước mà hơn 1 giờ mới vượt qua với 6 thằng em rút rặng trên mặt đất. Lăn theo mép đường tới sát ống cống, tôi cho dừng lại, phi trường vắng tanh, tôi bảo Duật:

– Mày cho một thằng con nhỏ qua trước làm đầu cầu bên kia ống cống, chờ đó cho tất cả con cái mày qua rồi vào thành Quân Cự, chờ tau lên.

Thành Quân Cự cao khỏi đầu người, không liên lạc được với người bên trong. Tất cả con cái nằm sát thành để tôi và đám cận vệ bò tới cổng chính. Loáng thoáng thấy nón sắt, field jacket, giày ba chạc. không phải tụi nó đâu, chắc chắn là bạn rồi, thằng đệ tử tôi gọi lớn “Ê Thủy Quân Lục Chiến đây”. Một loạt đạn bay qua khỏi đầu một cách rùng rợn. Bò lết vào tới trong đồn, ông đồn trưởng nói tiếng Huế đặc sệt, ông Trung Uy Cát, thủ môn nổi tiếng của Huế:

– Đại Úy ơi, bảy ngày không ra nổi, nó bao hết, trường Trần Cao Vân, Đại Nội, xóm nhà Bảo sanh, sau lưng trường cách một cái hồ tụi nó cũng chiếm luôn. Dân chúng chạy hết rồi không còn ai cả. Tụi nó pháo liên miên, không cho ngóc đầu, đủ loại cối 61, 82, hỏa tiễn 107, 122. Tôi rán cổ thủ ở đây được ngày mô hay ngày nấy, còn ngoài nở tôi không liên lạc được nên không biết tình hình các nơi khác ra rắng.

Tôi trở ra báo cáo về Tiểu đoàn. Lệnh của Tiểu đoàn trưởng:

– Phu Nhân chiếm cho bằng được trường Trần Cao Vân, dọn sạch chung quanh. Tiểu Đoàn Trưởng và Bộ Chỉ Huy sẽ lên ở trại Quân Cự.

Quan Sát địa thế thêm một lần nữa, trước mặt trường là cái am lên đồng, bên cạnh là quán hớt tóc lợp tranh, chỉ có một ghé ngồi, sát đó là ngã ba đường chạy lên cửa sập, một chạy về trường Đào Duy Từ, và một chạy đến trường Trần Cao Vân. Có bốn năm cái đầu ló nhỏ bên trong trường.

Duật phải chiếm am trước, trong trường bắn ra mãnh liệt, có cả B40. Tôi ra lệnh Nghênh và Mã Khện cầm chân hỏa lực trong trường học. Duật chiếm xong am không một tổn thất. Tôi gọi Thượng sĩ Hải đem hai đại liên và một 57 không giật lên tăng cường cho Duật, để Duật yểm trợ cho Mã Khện vào trường. Sau 45 phút dùng mưu kế cùng với hỏa lực và sự gan dạ, kinh nghiệm, Mã Khện đã chiếm được một lớp học của trường, Nghênh tràn vào cùng với Mã Khện lục soát và làm sạch sẽ.

Hỏa lực từ góc Thành Nội đổ dồn về phía trường học, không sao, đã có thành của các lớp học che chở. Tôi kêu Sự:

– Pháo binh có chưa, kêu về đại bàng Thanh Hóa cứ bắn vào góc thành cho tau. Đến chiều vẫn không có một trái pháo bắn, anh em tôi có 7 đã lót đường cho mục tiêu, và 3 bị thương nặng. Tôi lên sát Duật và bảo đem cây 57 đến:

– Nhắm ngay vào góc thành, tụi nó bắn rát quá cứ phơ cho tau, trật trúng gì không cần, chỉ cần tiếng nổ.

Qua một vạt đất trống, trong một ngôi nhà gạch có bóng người lấp ló, Duật quay 57 nhắm thẳng:

– Nhột quá, cho em bung cái nhà này đi.

Tôi bỗng thấy có bóng đàn bà, tôi la lớn:

– Khoan bắn, nhà thầy Tiềm.

Tôi băng qua đám đất trống đến gặp cô và các cháu. Không thấy thầy, tôi chào cô và giới thiệu tôi học sử địa trong trường Bồ Đề với thầy và khuyên cô về dưới phố. Tôi trở lại vị trí mà lòng nao nao buồn. Giờ này vẫn không có pháo làm sao khóa góc thành đó lại. Duật bảo con cái đào hầm cho kỹ tôi dặn:

– Mày cố thủ tại đây cho Tiểu Đoàn lên.

Rồi cùng đám đệ tử lúp xúp chạy đến tiệm hớt tóc để quan sát ngã ba đường và góc Thành Nội, chợt nghe tiếng đàn bà rên la quàn quại, sau cùng chỉ còn tiếng rên nho nhỏ. Nơi góc quán tối tăm, một người đàn bà máu me khắp nửa thân thể, vừa bị thương nặng, lại vừa sanh ra một bào thai lờ mờ tượng hình đứa bé trông giống như con rắn mối. Xót xa, chịu không nổi, tôi ra lệnh đem chôn đứa bé đã chết và chuyển người mẹ về đồn Quân Cự cho bác sĩ Tựu giúp. Đến đây 13 người chết, và 3 bị thương nặng để trải thảm cho đơn vị.

Tối đó, Bộ chỉ huy Tiểu Đoàn đến trại Quân Cự. Sáng hôm sau, Tiểu đoàn trưởng cho Đại đội 2 của Tôn, và Đại đội 1 của Lượm, dưới sự chỉ huy của đại ca Đă, Tiểu đoàn phó, chiếm nhà Bảo Sanh. Đoạn đường có 30 thước, cách một hồ nhỏ mà phải trả bằng 50 đứa con thân yêu, sau 8 tiếng đồng hồ mới chiếm được nhà bảo sanh. Tôn bị thương ngay từ phút đầu, Lộc Đại đội phó lên thay.

Mười ngày tiếp theo, nhìn nhau qua một con đường vừa đủ xe chạy mà hai bên đều khựng. Mưa vẫn rơi, ray rứt, lê thê, thỉnh thoảng cơn mưa gió thật lạnh thổi qua. Có những trận tấn công chớp nhoáng của địch vào đội của Lượm và Lộc, đều bị đánh bật lui. Ngược lại, ta cũng nhiều lần cố tràn qua bên kia, nhưng không chiếm được một tấc đất. Hai bên tải thương đều thấy nhau rất rõ, Lượm bị hao hụt nặng, Phu Nhân lên thay. Tôi và con cái bò lên từng toán một, địch và ta đã sát nhau, góc đầu lên là đạn xuyên qua mũ sắt ngay. Hơn nửa ngày mới trám hết vị trí của Lượm. Lượm và Tòng về phòng thủ cho Tiểu Đoàn. Tối đến pháo địch đủ loại nổ vang trời. Xác chết của anh em nằm trên mặt đường mà không lấy được. Phía bên kia 4, 5, xác địch vẫn để yên, tụi nó không dám ra lấy về. Cố giữ đất, giữ vị trí và làm vài cuộc tấn công nhỏ vẫn không qua đường được.

Từ căn nhà hai tầng cuối nhà Bảo Sanh, một thượng liên và một trung liên nòi của tụi nó kiểm soát con đường rất kỹ, dưới sự chỉ huy của một đứa con gái mặc áo choàng màu xám, tóc xõa dài, nhưng không thấy rõ mặt. Tay đứa con gái chỉ tới chỉ lui thì đạn nổ dồn về hướng đó. Tôi nhắm bắn 2 phát M16 nhưng hụt, nó trốn nhanh vào sau cửa và mất luôn.

Hai mươi ngày nằm chịu pháo và bị bắn sè, tối nào hai bên cũng rà máy và chửi nhau. Theo dõi máy, đột nhiên tôi bắt được một câu báo cáo “Bỏ câu hết thóc!”, và suy nghĩ địch quân đang hết đạn. Nếu cứ nằm như thế này, một lúc nào đó địch quân chỉ cần ho thật to mình cũng mất vị trí ngay, chỉ vì áp lực quá nặng nề, tổn thất nhiều, tinh thần anh em quá mệt mỏi. Tôi đi đến kết luận riêng: “Nếu mình không đánh nó, chắc chắn nó sẽ tấn công mình”. Tôi trình với tiểu đoàn trưởng:

– Thiếu Tá cho tôi luôn hai thằng để tôi tấn công tụi nó, tôi thấy tinh thần anh em xuống quá, và sức khỏe càng ngày càng hao hụt.

Thiếu Tá tiểu đoàn trưởng không cho, bắt ráng giữ vị trí. Phu Nhân năn nỉ:

– Nếu không thì cho tôi đột kích, tôi cùng vài toán nhỏ tràn qua đường đánh đột kích rồi về. Mình phải chứng minh cho địch quân thấy mình còn dư sức ăn thua đủ, thời địch không dám tấn công mình.

Tiểu đoàn trưởng nói:

– Làm kế hoạch xong cho tôi hay.

Tại hầm của tôi anh em đang chờ họp gồm: Lộc, Đại đội trưởng đại đội 2. Sự, Đại đội phó của tôi, Duật, Nghênh, và Mã Khện. Tôi nói:

– Nằm chờ lâu tau chán quá, chỉ muốn qua đột kích tụi nó rồi rút về.

Tất cả im lặng tôi nói tiếp:

– 4 giờ sáng mai mình đột kích. Nếu giữ được vị trí, tau cho tràn luôn. Bây giờ tau chọn 4 toán. Toán 1: Phán, Điều, Việt, Can, Dư và Phúc mang máy. Toán 2: Duật và 3 người thật nhanh và gan dạ. Toán 3: Nghênh và 3 người. Toán 4: Thượng sĩ nhất Hải, và 3 người trang bị thật nhẹ, mỗi người 20 quả lựu đạn và 2 băng đạn cong ráp ngược cho M16. Sự và Lộc dẫn con cái ra sát bờ tường, khi thấy khói xanh thì lửa tất cả tràn qua, nếu thấy khói màu vàng thì yểm trợ tối đa cho tụi tao dọc về. Sự và Lộc về lo cho con cái. Đúng 4 giờ sáng có mặt tại vị trí.

Duật, Nghênh và Hải ở lại, tôi nhìn anh em thật lâu rồi cho biết:

– Tau theo dõi tụi nó báo cáo qua máy, hình như tụi nó thiếu đạn, do đó tau quyết định cuộc đột kích hôm nay.

Tôi nghiêm mặt và lạnh lùng nói:

– Hai ông Duật và Nghênh tôi chỉ định phải đi với tôi, riêng ông Hải tôi cho ông suy nghĩ lần nữa. Lần này đi khó trở về, ông con cái đồng, muốn ở lại vị trí tôi cho phép, và tôi hứa rằng, tôi không nghĩ ông thiếu can đảm.

Suy nghĩ một lát, Thượng sĩ Hải trả lời:

– Đại Úy cho tôi ở lại vị trí.

Tôi vui vẻ bằng lòng và gọi Mã Khện đến, Mã Khện đồng ý đi và xin đem theo Hạ sĩ nhất Mười. Tôi tiếp:

– Bây giờ các ông về chọn người xong lên gặp tôi.

Tôi ngồi suy nghĩ miên man, liệu, phải liệu mới cứu được đơn vị.

4 giờ, các toán trưởng lên gặp tôi có cả Trung Úy Sự. Tôi hỏi lần chót:

– Có ai xin ở lại, cho tôi hay.

Không ai trả lời, tôi căn dặn Sự, nhắc Lộc khi thấy khói xanh thì sao, khói vàng thì sao, phải nhớ kỹ. Tôi đưa 3 toán trưởng bò đến hầm của nhóm tiền đồn ở sát ngã tư đường. Tôi chỉ từng căn nhà bên kia đường:

- Cái thứ nhất gần ngã tư là mục tiêu của tau, cái thứ hai có hàng rào là của Nghênh, căn thứ 3 cũng có hàng rào và cây nhãn cao là của Mã Khện, căn thứ 4 có mấy bụi chuối lớn là của Duật. Tất cả hãy quan sát cho kỹ và chọn một con đường tiến quân thích hợp, không cần báo cáo, miễn sao cho thích hợp thôi. Tôi tiếp tục quan sát mục tiêu của tôi, căn nhà bằng gạch có nhà trên nhà dưới, kế đó là cầu tiêu xây bằng đá lợp tôn, sát đường là cái giếng xây bằng xi-măng. Trước sân có hai cây vú sữa cao và sai trái. Tôi biết phải làm gì để chiếm căn nhà đó, tôi quay lại nói:
- Lần chót tôi hỏi các ông có ý kiến gì không? Đúng 4 giờ sáng mai tôi sẽ chiếm trước, sau đó tùy các ông bằng mọi cách, phải hết cho bằng được các mục tiêu tôi ấn định.

Tôi trở lại vị trí, dặn dò Điều, Can, Việt, Dư và Phúc mang máy:

- Tối nay miễn gác, 3 giờ sáng gặp tau ở đây.
- Sau đó tôi gặp Tiểu đoàn trưởng để trình bày kế hoạch, ông nói:
- Nguy hiểm quá, không được, chết cả lũ.
- Tôi nói:
- Nếu Thiếu Tá không làm bây giờ, một vài ngày nữa, tụi nó chỉ cần ho là lính mình chạy hết.
- Cuối cùng ông chấp nhận:
- Nhớ là có gì thì trở về liền, càng sớm càng tốt.

Tôi dạ nhưng trong đầu tôi nghĩ khác. Trước mắt tôi bây giờ không có gì ngoài đoạn đường từ tiền đồn qua cái giếng, lên cầu tiêu, tới nhà dưới, chiếm nhà trên. Tôi nằm suy nghĩ miên man cho đến 3 giờ sáng. Trước khi bò ra tuyến xuất phát, tôi nhắc Sự và Lộc một lần nữa cho chắc ăn, 4 giờ kém 10 sáng, toán tôi có mặt ở tiền đồn. Trời vẫn mưa, mưa ở xứ Huế có dư âm của ngày Tết. Trời tối không thấy gì, tôi ngại bắn làm nhau, gắng chờ một chút nữa, đến 5 giờ sáng mưa vẫn không tạnh, trời vẫn còn tối mù. Năm giờ rưỡi, cái giếng đã nhìn thấy được. Chuẩn bị, tôi cảm thấy hồi hộp. Chỉ cần 4 cái nhảy vọt là qua bên kia đường, nhưng khó như đi lên trời, vì con đường này là con đường tử thần làm ranh giới bên ta và bên địch, và 20 ngày trời không nướ nổi một thước đất. Rách bao nhiêu cũng không qua được. Bây giờ mình cất băng khánh thành, phải làm để cứu đơn vị, phải hy sinh để cứu đồng đội. Vừa suy nghĩ xong tôi phóng vọt qua bên bờ giếng, kế tiếp là Điều, Việt, Can, Dư băng theo. Tất cả ngồi ôm thành giếng, mồ hôi ra như tắm, dù trời lạnh như cắt. Điều và Cam chiếm cầu tiêu, bồng một loạt đạn nổ dòn và thật gần, tôi quay nhìn ra đường, Phúc và cái máy nát mình nằm trên mặt đường nhựa, dưới làn đạn mịt mù của địch. Tôi hét lớn:

- Dư, Việt, chiếm nhà bếp.

Tôi theo sát lên cầu tiêu, bên cạnh Điều và Can. Súng và pháo nổ dòn dập, một B40 nổ ngay trên đầu mái tôn cong, cả ba thầy trò đều bị miếng nhỏ đâm đầy mặt, tóc râu và lông mày đều bị cháy. Cầu tiêu nhỏ quá, nên tôi cùng Điều và Can lên nhà bếp. Tôi ra lệnh:

- Điều và Dư chiếm nhà trên, lục soát thật kỹ.

Để Việt ở lại, tôi và Can cũng lên nhà trên, Điều và Can giữ cửa chính nhìn ra sân, tôi và Dư giữ cửa sổ nhìn ra sau vườn có nhiều luống khoai lang.

Trời sáng hẳn, tôi lắng tai nghe nhà bên cạnh, chẳng có gì cả, bèn bò trở ra bờ giếng và thấy Nghênh, Duật, Mã Khện vẫn còn bên kia đường. Tôi toát mồ hôi, tôi nhìn thẳng vào mấy ông rất nghiêm và lấy ngón tay ngoắc. Tôi không dám gọi lớn, mấy ông kia gật đầu. Tôi bò trở lên nhà trên. Lựu đạn, súng nhỏ, súng lớn, nổ khắp nơi, và nhất là phía bên tay mặt tôi. Tôi biết rằng con cái tôi đã băng được qua đường. Tôi hỏi khẽ:

- Thấy gì không Dư?

Dư lắc đầu. Tôi nghe tiếng thì thào sát vách tường phía ngoài, tôi đoán 7, 8 người đang ở trong một cái hầm, tôi dùng ngón tay đẩy nhẹ cửa sổ. Một loạt đạn từ phía nhà đối diện xuyên ào, ào vào cửa sổ. Bồng Dư chỉ tay về phía các luống khoai. Tôi đếm đủ 11 người đang bò qua, Ka Ki Nam Định, súng AK và B40, cách vách tường khoảng 20 thước. Tôi đưa súng lên định bóp cò thì Dư kéo lại ra dấu dừng bắn, dùng lựu đạn. Tôi dựng cây súng xuống thật nhẹ, hai tay rút hai trái lựu đạn miệng cắn chốt, Dư cũng thế, 4 trái lựu đạn ném ra cùng một lúc, tiếng nổ xé trời, rồi 4 trái tiếp theo. Bên ngoài tường, tiếng hét lớn rồi tiếng rên và sau đó là im lặng, tụi còn lại, bò sát vào chân tường. Nhìn ra cửa, 5 xác còn nằm vắt trên luống khoai. Một loạt đạn nổ và tôi nghe:

- Chết em, Đại Úy.

Tôi sững sờ nhìn Dư, tay trái ôm ngón út của bàn tay mặt đầy máu, ruột của Dư đổ ra lòng thòng. Dư ngã vật ra chết tại chỗ. Nơi Dư đứng có một lỗ hồng nhỏ ở vách tường. Vì mãi nhìn qua cửa sổ mà không để ý ở phía dưới. Nguyên một họng AK thọc qua lỗ tường để sát vào bụng Dư và nhả đạn. Tôi bắn một loạt M16 ra cửa sổ, và cứ thế, hết quả này đến quả khác, tôi ném tất cả lựu đạn của tôi ra ngoài bờ tường. Hai thằng em đã hy

sinh, còn 4 thầy trò phải giữ vững vị trí. Phía bên tay phải tôi, súng vẫn nổ dữ dội. Đến 10:30 sáng tôi cho Điều liên lạc với Nghênh, Duật và Mã Khện. Điều băng người ra đi, bốn căn nhà cách nhau 10 phút đi bộ, hơn một tiếng đồng hồ sau Điều mới về, báo cáo là tất cả đã chiếm được mục tiêu. Có đoạn đường nào xa và xấu hơn đoạn đường tôi đang đi!

Toán của Duật, 1 chết, 1 bị thương. Toán Mã Khện 2 chết. Toán Nghênh, 1 chết, 1 bị thương. Tất cả là 6 chết, 2 bị thương. Chúng tôi còn 11 người tại tuyến.

Điều bò ra giếng, cố đem qua cho tôi một cái máy. Cột máy vào một đầu dây và quăng đầu dây kia qua cho Điều kéo. Can mở máy, tôi liên lạc với Tiểu Đoàn Trưởng:

– Tôi sẽ cho tràn ngập vị trí với 2 thằng của Lộc và thằng 3 của tôi.

Đại bàng hỏi:

– Tại sao từ sáng đến giờ không chịu liên lạc với tôi? Tôi ra lệnh rút về ngay.

Phán nài nỉ:

– Đây là dịp may, tinh thần anh em đang lên, tôi xin Đại bàng cho làm luôn.

Đại bàng Thanh Hóa nói bằng bạch văn không ngụ trang:

– Nếu anh không rút về, tôi sẽ đưa anh ra tòa án quân sự.

Khí giận bùng bùng, tôi tắt máy không trả lời, trên tay vẫn cầm trái khố xanh. Suy nghĩ thật kỹ! Suy nghĩ thật kỹ! Hơn mấy giờ để đánh mục tiêu, 4 căn nhà và một con đường ngập máu. Mưa vẫn lạnh như cắt da, và mồ hôi tôi vẫn ra như tắm. Cuối cùng tôi đành bảo Điều chuyển lệnh cho các toán:

– Rút về ngay, mệnh toán nào rút toán đó, không chờ đợi. Mang thương binh theo, xác chết bỏ lại.

Năm thước đường, đi đã khó về còn khó hơn. Mỗi bóng người nhúc nhích là đạn nổ hàng loạt, liên hồi, đạn bắn chéo bốn phía, đạn lượn thật dày trên mặt đường và khắp vị trí. Làm sao trở về đây! Con cái bên kia đường đưa mắt theo dõi. Toán tôi bò ra giếng, bồng mấy bóng đen vọt qua đường như sao sệt, nhào vào bờ và được anh em kéo ra sau. Đạn nổ dòn tan cây nát mặt đường. Đây là mấy đứa bị thương nặng, tưởng là đi chuyển không nổi, nhưng khi nghe lệnh rút, chúng thu hết tàn lực vùng chạy về chóp mắt không kịp thấy. Hỏa lực ba phía nổ vùi vào vị trí chúng tôi, các toán đột kích không còn liên lạc với nhau, Điều và Can vẫn giữ căn nhà. Địch kiểm soát con đường bằng mấy cây thương liên và trung liên, chúng bắn liên miên. Bên kia đường, Sự và Lộc đáp lễ bằng hỏa lực cơ hữu của Khăn Tím và của 2. Tôi lấy chân đạp vào thành giếng phóng người băng qua đường, lăn mình, nhảy, chạy và té ào vô bờ lè. Anh em kéo vôi tôi vô sau, tôi dừng lại bảo Lộc và Sự bắn từng loạt một để tụi nó dzọt về. Nhìn thấy Việt ngồi thành giếng trở mắt ngó về mà tội nghiệp. Sống và chết cách nhau có một con đường. Tôi hỏi hộp xốt xa cho mấy thằng em, tôi vừa quay mặt thét:

– Bắn kèm mấy cây thương liên.

Thì những bóng người bay dzọt qua đường, tim tôi thất lại, đạn nổ mịt mù. Lần lượt tôi gặp Nghênh, Duật, Mã Khện và tất cả anh em.

Tôi ôm ghì từng đứa, tụi nó còn sống cả, Can và Việt nhào đến ôm tôi một cách dữ dội, đậm đà triu mến, lính với tay sờ người nắm nhẹ áo tôi:

– Đại Úy, tóc râu Đại Úy cháy hết rồi, mặt bị nhăm nhiều chỗ.

Cả đại đội bắt chập đạn địch, đứng dậy nhìn nhau hãnh diện sung sướng. Tôi báo cáo Tiểu Đoàn:

– Tất cả đã về vị trí.

Bỗng tôi thấy thiếu một cái gì, tôi nhìn Can và Việt hỏi:

– Thằng Điều đâu?

Tụi nó nói:

– Lần cuối chúng em thấy nó vừa khóc vừa chạy lung tung tìm xác Đại Úy ở bên ấy.

– Thôi chết tau rồi, tau phải cứu nó, hai thằng bầy theo tau.

Tôi, Can và Việt bò trở ra đường. Bỗng nhiên một bóng người nhảy qua khỏi hàng rào, nhảy qua khỏi miệng giếng phóng nhanh qua đường, nhào lăn rào rào vào vị trí la lớn:

– Ê, tui bây thấy anh Hai đâu không?

Điều đứng dậy nước mắt đầm đìa, tôi lao đến ôm Điều:

– Tao định qua kiểm mầy đây.

– Trời anh Hai, tụi nó nói anh Hai chết rồi, em đi lục hết căn nhà mấy chục lần, chỉ không dám ra ngoài hè, mà không thấy xác anh Hai đâu. Hôm qua Mạ có dặn nhỏ với em, phải sát cánh bên anh Hai, nếu có gì thì cũng phải nhớ đem anh Hai về cho Mạ...

Tóc tai, mày, râu ria Điều cháy nám, áo quần rách bươm, nó khóc mùi mẫn vì thấy tôi còn sống. Rồi nó lại bẽn lẽn cúi đầu, hai hàng nước mắt lã chã rớt xuống đất. Trong một cuộc chiến bạc bẽo lại có một chút tình nghĩa trao nhau qua mấy giọt nước mắt nóng hổi.

6 giờ chiều, xuống trình diện Tiểu đoàn trưởng, ông nói ngay:

– Ông làm những chuyện nguy hiểm quá, lỡ kẹt bên đó thì nói làm sao với Lữ Đoàn?

Tôi dạ dạ, vâng vâng cho qua rồi nghiêm mặt đề nghị:

– Thừa Thiếu Tá, ngày mai cho tôi tấn công, tôi tin chắc sẽ tràn ngập vị trí tụi nó. Cho tôi thêm 2 thằng của Lộc, để 1 thằng của Lượm đi sau thu dọn chiến lợi phẩm. Chỉ xin Thiếu Tá cho tôi hai chiếc tank kèm 2 bên hông của tôi. Ông hỏi:

– Có chắc ăn không Phán?

Tôi cương quyết:

– Chắc, và nếu tràn được vị trí, Thiếu Tá cho phép tôi đánh thẳng lên Kỳ Đài nếu kịp thời gian. Theo tôi, Tiểu Đoàn trưởng nên trình lên ông Già Hự (Đại Tá Đàm Quang Yên Tư Lệnh Phó).

Ông Già chấp nhận. Tôi trở về họp các Trung đội trưởng:

– Ngày mai 8 giờ sáng, Đại đội 3 Khăn Tím bên trái, đại đội 2 của Lộc bên phải, dàn hàng ngang, lấy con đường bên cửa Sập làm chuẩn, tiến song song. Sau khi 2 chiếc tank yểm trợ bằng hỏa lực xong, cả hai Đại Đội xung phong tràn ngập, vượt qua mỗi chốt thật nhanh, không cần thu lượm chiến lợi phẩm, để cho Đại đội 1 đi sau làm chuyện đó. Tất cả balô và đồ ăn để lại, trang bị thật nhẹ, khi tới xóm nhà sát cửa thành thì chờ tôi.

Đúng 8 giờ sáng ngày hôm sau, dàn quân, hai chiếc tank Ontos hạng nặng tiến lên, mỗi chiếc trang bị 6 cây đại bác 106 ly. Tôi chỉ vị trí cho 2 trưởng xa người Mỹ, rồi ra lệnh khai hỏa. Hy vọng 12 cây 106 này sẽ san bằng mục tiêu trước mặt cho con cái tôi được dễ dàng đôi chút. Nhưng mỗi chiếc tank chỉ bắn một phát đạn duy nhất, rồi chạy lùi biến mất, không biết chạy về đâu. Tôi hết hồn, quân đã dàn xong, bắt buộc tôi phải ra lệnh xung phong. Tôi hét thật lớn, hét khản cả cổ: “XUNG PHONG!”

Cả một đoàn quân, dàn hàng ngang, không một ai nhúc nhích. Con đường trước mặt, con đường của 21 ngày máu và nước mắt, con đường tráng nhựa đẹp đẽ, nhưng băng qua là đi vào cõi chết. Tôi tức giận chửi thề lung tung, rồi chụp cây đại liên M60 của một người lính bên cạnh, bắn một loạt dài, rồi một mình tôi vừa bắn, vừa băng qua đường cùng với toán cận vệ: Can, Việt, Điều và 2 thằng mang máy. Qua khỏi đường xông tới trước, tiếng đại liên của tôi nổ dòn. Đúng lúc ấy cả đoàn quân hô xung phong và ào qua đường. Sau đó đoàn người vượt nhanh qua mặt tôi và lướt tới trước. Súng nổ vang rền, đoàn quân tiến đều. M16 bắn vãi vào chốt, lựu đạn ném vào chốt, đập chốt, băng chốt, lướt qua, cố giữ đội hình. Tiếng nổ inh tai liên tục, đàn áp thật mãnh liệt và chạy tới trước. Đến 3 giờ chiều, chúng tôi đến xóm nhà sát cửa Sập. Tôi ra lệnh:

– Mỗi ông cho tôi 1 toán 10 người, băng thật nhanh đến áp sát mặt thành xong, ngồi xuống. Toán kế tiếp chạy đến leo lên vai toán thứ nhất để toán này đổ dòn lên thành. Khi bám được mặt thành thì tác xạ tối đa và bằng mọi cách giữ vững vị trí làm đầu cầu.

Con cái tôi hành động đẹp hơn tài tử xi nê. Tiếng đạn lớn, nhỏ nổ rền, hai toán lên thành chiếm xong vị trí. Tôi cho con cái đem bàn ghế ra chất sát tường và leo lên ngay. Tiếng đạn và pháo địch vẫn mãnh liệt trên nóc thành, phải khóa lại.

Một chặng đường xương máu đã vượt qua, bây giờ mục tiêu chính, mục tiêu của niềm hãnh diện, mục tiêu của ơn sâu nghĩa nặng: Kỳ Đài Huế. Đây là nơi tượng trưng linh thiêng của dân tộc nói chung, và cho Huế nói riêng. Duật và 20 người tiến chiếm 6 cây súng thần công to lớn, từ đó Duật dùng hỏa lực kèm địch ở cửa Ngọ Môn, yểm trợ cho Nghênh và Mã Khện chiếm Kỳ đài. Phản ứng của địch bắt đầu yếu, 5 giờ 12 phút chiều, màu áo rằn ri Thủy Quân Lục Chiến VNCH đã làm chủ Kỳ Đài.

Một thằng em rút đầu trong người ra một lá cờ vàng 3 sọc đỏ thật lớn. Tôi gọi về Tiểu đoàn:

– Tất cả sạch sẽ, xin Thiếu Tá cho tôi treo cờ.

Tôi còn nhớ rõ lệnh của Trung Tướng Lê Nguyên Khang: “*Một người lính Thủy Quân Lục Chiến duy nhất còn sống sót cũng phải dựng lại cho được ngọn cờ vàng tại Phú Văn Lâu.*”

Trong niềm vui sướng tột cùng, Hạ sĩ Hạnh hét lớn: “*Thủy Quân Lục Chiến!*” Xong lấy trái hỏa châu đập mạnh, định bắn pháo bông lên trời ăn mừng.

Trong cơn say chiến thắng, Hạnh xoay ngược đầu hỏa châu vào mình, hỏa châu nổ xuyên bụng. Hạnh cười tươi:

– Em không sao Đại Úy.

Phán nghĩ thẳng em này tinh táo quá, chắc nó chết. Và nó chết thật.

Tiểu đoàn trưởng bảo Phu Nhân giữ đầu máy chờ. Sau này tôi được nghe: *“Khi báo cáo về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn I, Chuẩn Tướng Trưởng xin Thủy Quân Lục Chiến dành vinh dự treo cờ cho Sư Đoàn I”*.

Sáng hôm sau ngày 24 tháng 2 năm 1968 (dương lịch), Phạm Văn Đính dẫn một đơn vị của Sư Đoàn I từ cửa Thượng Tứ lên Kỳ Đài làm lễ thượng kỳ.



Hạnh phúc vô biên khi Cờ VNCH được dựng lại tại Kỳ Đài Phú Văn Lâu sau 23 ngày bị cộng quân cho treo cờ của lực lượng Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ, một tổ chức CS được lãnh đạo bởi Lê Văn Hảo và Thích Đôn Hậu.

Nhìn lá cờ vàng bay phất phới trên nền trời màu xám của Huế, tôi hãnh diện thật sự vì một thằng con của Huế đã góp phần dựng lại ngọn cờ này.

Trung Úy Sự trình tôi:

– Thằng Hạnh chết, mình còn 67 người.

Đại đội ra đi hơn 170 người, sau 24 ngày, với bao nhiêu lần bổ sung quân số, chỉ có 3 mục tiêu: Cửa Sập, và Kỳ Đài mà bây giờ chỉ còn lại 67 người.

Sáng hôm sau, tôi về phối trí đóng quân lục soát ở khu vực cửa Đông Ba, nhà Thương Nhỏ, chợ Xếp. Ngã tư Anh Danh. Bộ chỉ huy của tôi đóng tại một tiệm cầm đồ, tiệm này có Tôn và Lưu cùng học với tôi một lớp hồi còn nhỏ. Trong nhà không còn ai cả. Chiều hôm đó tôi gặp lại rất nhiều bạn bè cũ. Tình hình chưa được an ninh hoàn toàn, nhưng đóng quân ở đây, chúng tôi nhàn nhả hơn trước nhiều. Tôi đi kiểm soát các vị trí và cho lệnh lục soát tàn quân địch.

Lính canh bắt giải tới một người đàn ông lớn tuổi, gầy ốm, ăn mặc lếch thếch, áo vest nhàu rách, tóc tai rối bù, và dơ bẩn, miệng nói lí nhí. Người lính nói với tôi:

– Lệnh giới nghiêm đã 11 giờ đêm, sao ông này còn lang thang trên hè phố, em nghi quá.

Tôi sững sờ nhìn người đàn ông:

– Thầy Cao Hữu Triêm, trời ơi thầy.

Tôi gọi mấy tiếng lớn mà thầy cũng không nghe, thầy tiếp tục lảm bảm rất nhỏ, tôi cầm tay mời thầy ngồi:

– Con là học trò cũ của thầy đây.

Một ánh mắt lạc lõng xa vời:

– Ờ ờ, sao con khỏe không, thầy mấy ngày ni chưa ăn chi cả.

Lính tôi kiểm cơm trắng và một đĩa gà luộc về, mời thầy xơi. Tụi nó còn kiếm được một bình trà nóng mời thầy. Sau một hồi thầy tỉnh táo và cho biết:

– Cô và cháu nhỏ sấp vào Đà Nẵng, thằng con lớn bị chết rồi. Thầy không muốn về nhà nữa, rồi thầy khóc, giọt nước mắt lăn dài trên đôi má nhăn nheo.

– Thôi, thầy ở đây với con cho yên.

Tôi nói lính của tôi thay nhau hầu hạ thầy ân cần, đến ngày thứ tư thầy đòi đi, tôi thu xếp để thầy vào Đà Nẵng. Từ đó tôi mất tin tức của thầy. Mong thầy bình yên.

Được sinh ra và lớn lên ở Huế, tôi cố trả một phần nào chữ hiếu cho nơi chôn nhau cắt rún. Máu của tôi, của anh em tôi, của đồng bào tôi đã tạo thành một cơn sóng thần cuốn đi tất cả kẻ thù, để dựng lại ngọn cờ trên Kỳ Đài tượng trưng cho Huế. Hai mươi năm sau, hồi tưởng lại máu và xương kia đã theo giòng Hương Giang cuốn tôi và bằng hữu ra biển, bắt làm người biệt xứ. Lạ trời, một ngày nào đó, cũng Cô Đô đó, cũng Kỳ Đài đó, cho tôi được góp phần dựng lại ngọn cờ một lần nữa để đền đáp ơn sâu và nghĩa nặng nơi tôi đã sinh ra, nuôi tôi lớn lên và cho tôi làm người.

TQLC/VNCH Trung Tá Nguyễn Văn Phán

